TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Mã vụ việc: 031172583

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Ngọc

Bà Trần Thị Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị K, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Cao Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Sau khi kết hôn, cả hai anh chị chung sống tại Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; anh chị sống vui vẻ, hòa thuận đến

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm, cách nghĩ, lối sống và thường xuyên xúc phạm lẫn nhau; kể từ đầu năm 2023 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, sống ly thân, không còn quan tâm, không có trách nhiệm, không có tình cảm gì đối với nhau. Nay, chị xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng cũng đã không còn tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Chị và anh X có 01 con là Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014. Trước khi mở phiên tòa, chị đề nghị được nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, Tòa án công bố lời khai của anh X và đơn trình bày ý kiến của cháu T, chị đồng ý để anh X nuôi con, vì cháu T đang ở với anh X và đúng nguyện vọng của cháu được ở với bố.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 19/4/2024, bị đơn là anh Hoàng Văn X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Ktrình bày. Nay, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị Khuyên.

- Về con chung: Anh và chị K có 01 con là Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014, cháu T đang do anh nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị giao con cho anh nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh X theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh X theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X, đồng ý giao cháu T cho X nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận; về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, nên việc Tòa án nhân dân huyện Cát Hải thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án không có lý do.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K, anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp; căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xác định: Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách sống của hai bên khác biệt nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2023, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải tuy nhiên không thể đoàn tụ. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị K.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014. Cháu T đang do anh X nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh X và anh X nhận nuôi con, chị K đồng ý và đề nghị giao con cho anh X nuôi dưỡng; anh X có việc làm thu nhập ổn định nên cần giao con cho anh X nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị K và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ áp dụng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chị Cao Thị K được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014 cho anh X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

+ Chị Kphải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh X vắng mặt nhưng anh X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, anh X là bị đơn cư trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 12/10/2012. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập, được xác định: Trong quá trình hôn nhân, chị K và anh X chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do phong cách sống của anh chị không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải cho anh chị được đoàn tụ nhưng không có kết quả; anh, chị sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không còn liên lạc và không có trách nhiệm gì đối với nhau; cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Xét thấy, cuộc sống chung giữa chị K và anh X không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc xin ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh X và chị K có 01 con chung là Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay, cháu T đang ở cùng với anh X và anh X đề nghị được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của cháu T muốn được ở với anh X, chị Kđồng ý và đề nghị giao con cho anh X nuôi dưỡng, anh X có việc làm thu nhập ổn định. Xét yêu cầu của anh X, chị K và nguyện vọng của cháu T là được ở với anh X, do vậy, để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu T, cần tiếp tục giao cháu cho anh X trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh X và chị Ktự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị K và anh X không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị K và anh X được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị K, cho ly hôn giữa chị K và anh Hoàng Văn X.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thiên T, sinh ngày 30/7/2014 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc cho đến khi anh X và chị K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009751 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, chị Kđã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện Cát Hải
(Đăng ký kết hôn ngày 12/10/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm